

THÔNG BÁO

Đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu dân cư Bái Đồng Gia, thôn Quyết Thắng, thôn Đương Phong, xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa.

1. Tên, địa chỉ của Tổ chức đấu giá tài sản: Công ty đấu giá hợp danh Đức Anh
Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà VCCI – 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có tài sản đấu giá: UBND huyện Thiệu Hóa
Địa chỉ: Thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Thông tin tài sản đấu giá:

3.1. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng 48 lô đất ở tại khu dân cư Bái Đồng Gia, thôn Quyết Thắng, thôn Đương Phong, xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, với các nội dung sau:

3.2 Thông tin chung về khu đất đấu giá:

a. Ranh giới Khu đất dự kiến lập quy hoạch chi tiết thuộc địa phận hành chính xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, cụ thể:

- Phía Bắc giáp: Đường Bắc sông Chu (hiện trạng là đất SXNN);
- Phía Nam giáp: Dân cư hiện trạng;
- Phía Đông giáp: Đường thôn, dân cư hiện trạng và đất HTKT theo quy hoạch;
- Phía Tây giáp: Đường thôn, đất Sản xuất kinh doanh theo quy hoạch.

b. Diện tích các lô đất đưa ra đấu giá: Tổng diện tích đất đấu giá là: 5.547,56 m², gồm 03 khu và được quy hoạch thành 48 lô đất, cụ thể theo bảng sau:

- Diện tích từng lô: từ 100,47 m²/lô đến 153,50 m²/lô.
- Mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn. (xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân theo quy hoạch và thiết kế được duyệt).
- Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn giao đất: Giao lâu dài.
- Hạ tầng kỹ thuật đã được Nhà nước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh theo MBQH đã được phê duyệt.
- Quy hoạch về xây dựng công trình trên đất: Theo quy định của Luật đất đai năm 2024 và các quy định hiện hành khác.

3.3. Nơi có tài sản đấu giá: xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.4. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:



- Giá khởi điểm theo lô đất: 301.410.000 đồng/01 lô đất đến 716.928.000 đồng/01 lô đất.

3.5. Tiền đặt trước tham gia đấu giá: 60.282.000 đồng/01 lô đất đến 143.385.600 đồng/01 lô đất.

3.6. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá là: 100.000 đồng/01 hồ sơ (Hồ sơ đã mua không được đổi trả).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

4. Đối tượng, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

4.1. Đối tượng tham gia đấu giá: Người được đăng ký tham gia đấu giá là cá nhân theo quy định tại Khoản 1, Điều 119 Luật Đất đai năm 2024 và có đủ điều kiện quy định tại Khoản 4, Điều 125 Luật Đất đai năm 2024.

4.2. Cách thức tham gia đấu giá:

- Khách hàng mua hồ sơ tham gia đấu giá, đăng ký lô đất đấu giá vào Phiếu đăng ký đấu giá; nộp hồ sơ tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước cho Công ty đấu giá Hợp danh Đức Anh (có thể ủy quyền theo quy định của pháp luật);

- Mỗi khách hàng chỉ được tham gia đấu giá số lượng lô đất tương ứng với số lượng hồ sơ và tiền đặt trước mà khách hàng đã nộp.

- Đối với trường hợp người đăng ký không thể tham gia đấu giá được thì có thể ủy quyền, việc ủy quyền phải đảm bảo theo quy định của Pháp luật.

- Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản được quy định tại Luật đấu giá tài sản 2016 đã được sửa đổi bổ sung năm 2024.

5. Nguyên tắc đấu giá: Đấu giá theo nguyên tắc công khai, khách quan, trung thực, bình đẳng. Lô đất đủ điều kiện tổ chức đấu giá khi có từ 02 khách hàng đăng ký.

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá:

6.1. Hình thức đấu giá: theo hình thức bỏ phiếu kín, trực tiếp tại cuộc đấu giá, tối đa 01 vòng dưới sự điều hành của đấu giá viên.

Khách hàng đăng ký, lựa chọn lô đất đấu giá vào đơn đăng ký và nộp cho đơn vị tổ chức đấu giá đúng thời hạn theo quy định.

6.2. Phương thức đấu giá: Trả giá lên. Trả từ giá khởi điểm trở lên là hợp lệ.

6.3 Bước giá: là phần cộng thêm vào giá trả cao nhất của vòng đấu giá để xác định giá khởi điểm của vòng đấu bổ sung được áp dụng trong trường hợp khi có từ hai khách hàng tham gia cùng trả giá cao nhất bằng nhau. Bước giá quy định là 1% mức giá trả cao nhất của vòng đấu đó.

7. Thời gian tổ chức thực hiện:

7.1 Thời gian xem tài sản, tham khảo hồ sơ tham gia đấu giá: Người tham gia đấu giá tự tìm hiểu thực địa khu đất đấu giá và tham khảo hồ sơ, quy chế cuộc đấu giá, bản vẽ MBQH khu đất đấu giá được niêm yết công khai tại trụ sở Công ty đấu giá Hợp danh Đức Anh, UBND xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa từ ngày 29/4/2025 đến 17 h 00 ngày 16/5/2025 (Trong giờ hành chính).

7.2 Thời gian bán hồ sơ, tiếp nhận (thu) hồ sơ tham gia đấu giá:

- Tại trụ sở UBND xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa: Từ ngày **29/4/2025** đến hết ngày **14/5/2025** (trong giờ hành chính).

- Tại Công ty đấu giá Hợp danh Đức Anh từ ngày **29/4/2025** đến 17h ngày **16/5/2025** (trong giờ hành chính)

7.3. Thời gian nộp tiền đặt trước tiếp tục kéo dài từ: Từ ngày **29/4/2025** đến 17h ngày **16/5/2025**.

Khách hàng nộp tiền đặt trước vào tài khoản công ty:

- Tên tài khoản: Công ty Đấu giá Hợp danh Đức Anh.

- Số tài khoản **1220336688** tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB) – Chi nhánh Thanh Hóa – PGD Cao Thắng

- Nội dung nộp (chuyển) tiền đặt trước:

+ [Họ tên người đăng ký tham gia đấu giá] _ nộp tiền đặt trước (Số lượng lô đất MB KDC xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa

+ Ví dụ: Nguyễn Văn B _ nộp tiền đặt trước 03 lô đất MB xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa

7.5. Thời gian tổ chức cuộc đấu giá: Bắt đầu từ: **08h ngày 21/5/2025**.

- Địa điểm đấu giá: **Tại Hội trường UBND xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa.**

Mọi chi tiết khách hàng liên hệ trong giờ hành chính tại Công ty đấu giá Hợp danh Đức Anh, địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà VCCI - 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá. ĐT: 0904.235.586.

Nơi nhận:

- UBND huyện Thiệu Hóa;
- UBND xã Thiệu Thịnh;
- Công TTĐT UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Công TTĐTQG về ĐG tài sản –BTP;
- Khách hàng tham gia đấu giá;
- Niêm yết;
- Lưu Vp Cty.

GIÁM ĐỐC



Đấu giá viên: Nguyễn Anh Đức

PHỤ LỤC CHI TIẾT

Giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Khu dân cư Bái Đồng Gia, thôn Quyết Thắng, thôn Đường Phong, xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Thông báo số 359/TB-ĐA và Quy chế số 360/QC-ĐA ban hành ngày 28/04/2025)

STT	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ	Ghi chú
KHU LK1							
1	LK01.01	113,83	4.800.000	546.384.000	109.276.800	100.000	2 đường giao nhau
2	LK01.02	109,73	4.000.000	438.920.000	87.784.000	100.000	
3	LK01.03	114,88	4.000.000	459.520.000	91.904.000	100.000	
4	LK01.04	120,02	4.000.000	480.080.000	96.016.000	100.000	
5	LK01.05	125,17	4.000.000	500.680.000	100.136.000	100.000	
6	LK01.06	130,32	4.000.000	521.280.000	104.256.000	100.000	
7	LK01.07	115,00	4.000.000	460.000.000	92.000.000	100.000	
8	LK01.08	115,00	4.000.000	460.000.000	92.000.000	100.000	
9	LK01.09	115,00	4.000.000	460.000.000	92.000.000	100.000	
10	LK01.10	115,00	4.000.000	460.000.000	92.000.000	100.000	
11	LK01.11	115,00	4.000.000	460.000.000	92.000.000	100.000	
12	LK01.12	115,00	4.000.000	460.000.000	92.000.000	100.000	
13	LK01.13	115,00	4.000.000	460.000.000	92.000.000	100.000	
14	LK01.14	115,00	4.000.000	460.000.000	92.000.000	100.000	
15	LK01.15	104,00	4.000.000	416.000.000	83.200.000	100.000	
16	LK01.16	104,00	4.000.000	416.000.000	83.200.000	100.000	
17	LK01.17	119,00	4.800.000	571.200.000	114.240.000	100.000	2 đường giao nhau
KHU LK3							
18	LK03.01	115,50	4.800.000	554.400.000	110.880.000	100.000	2 đường giao nhau
19	LK03.02	110,00	4.000.000	440.000.000	88.000.000	100.000	
20	LK03.03	110,00	4.000.000	440.000.000	88.000.000	100.000	
21	LK03.04	110,00	4.000.000	440.000.000	88.000.000	100.000	
22	LK03.05	110,00	4.000.000	440.000.000	88.000.000	100.000	
23	LK03.06	110,00	4.000.000	440.000.000	88.000.000	100.000	
24	LK03.07	149,36	4.800.000	716.928.000	143.385.600	100.000	2 đường giao nhau
25	LK03.08	153,50	3.600.000	552.600.000	110.520.000	100.000	2 đường giao nhau
26	LK03.09	115,00	3.000.000	345.000.000	69.000.000	100.000	
27	LK03.10	115,00	3.000.000	345.000.000	69.000.000	100.000	
28	LK03.11	115,00	3.000.000	345.000.000	69.000.000	100.000	
29	LK03.12	115,00	3.000.000	345.000.000	69.000.000	100.000	
30	LK03.13	115,00	3.000.000	345.000.000	69.000.000	100.000	
31	LK03.14	115,00	3.000.000	345.000.000	69.000.000	100.000	
32	LK03.15	115,00	3.000.000	345.000.000	69.000.000	100.000	
33	LK03.16	122,00	3.600.000	439.200.000	87.840.000	100.000	2 đường giao nhau

Khu LK6

34	LK06.01	123,06	3.600.000	443.016.000	88.603.200	100.000	2 đường giao nhau
35	LK06.02	100,47	3.000.000	301.410.000	60.282.000	100.000	
36	LK06.03	106,35	3.000.000	319.050.000	63.810.000	100.000	
37	LK06.04	103,40	3.000.000	310.200.000	62.040.000	100.000	
38	LK06.05	108,41	3.000.000	325.230.000	65.046.000	100.000	
39	LK06.06	113,43	3.000.000	340.290.000	68.058.000	100.000	
40	LK06.07	108,56	3.000.000	325.680.000	65.136.000	100.000	
41	LK06.08	103,31	3.000.000	309.930.000	61.986.000	100.000	
42	LK06.09	142,38	3.600.000	512.568.000	102.513.600	100.000	2 đường giao nhau
43	LK06.10	110,69	3.000.000	332.070.000	66.414.000	100.000	
44	LK06.11	108,67	3.000.000	326.010.000	65.202.000	100.000	
45	LK06.12	105,91	3.000.000	317.730.000	63.546.000	100.000	
46	LK06.13	118,79	3.000.000	356.370.000	71.274.000	100.000	
47	LK06.14	115,12	3.000.000	345.360.000	69.072.000	100.000	
48	LK06.15	122,70	3.600.000	441.720.000	88.344.000	100.000	2 đường giao nhau
	Tổng	5.547,56		20.214.826.000	4.042.965.200		